TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 13/6/2018
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn;

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19/4/2018 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về Ly hôn, nuôi con".

Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên lạc: Đường V, khóm T, phường H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo:*Anh Nguyễn Văn N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trước khi chị T và anh N kết hôn, anh N có 02 người vợ, với 02 người con riêng nhưng anh N đã ly hôn và các con đều sống với vợ trước của anh N, hàng tháng anh N có cấp dưỡng cho 01 con riêng, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Trước khi kết hôn với anh N, chị T cũng có 01 người chồng, đã ly hôn và không có con riêng.

Sau khi kết hôn với anh N, chị T và anh N sống chung nhà với cha mẹ chồng, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và những mâu thuẫn này đều hàn gắn lại được. Từ tháng 7/2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng hơn do bất đồng quan điểm sống, anh N nghe lời mẹ ruột của anh N gây khó khăn cho chị T, anh N uống rượu về chửi mắng chị T và đánh đập các con vô cớ.

Vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng nên phụ thuộc vào thu nhập của cha mẹ chồng, anh N chỉ làm ruộng, vườn phụ cha mẹ chồng nên không có thu nhập riêng, thu nhập từ việc trồng lúa, vườn phụ cha mẹ chồng thì cha mẹ chồng giữ tiền, mỗi mùa lúa cha mẹ chồng cho vợ chồng 200.000 đồng. Chị T khuyên anh N cất nhà tạm ở kế bên nhà cha mẹ chồng và kiếm việc làm để có thu nhập, không phụ thuộc vào kinh tế cha mẹ chồng nhưng anh N không đồng ý.

Chị T nhận thấy sống chung với anh N và gia đình anh N quá áp lực và lo sợ nên tháng 8/2017 chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ: Đường V, tổ 7, khóm T, phường H, thành phố C và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó. Tháng 11/2017, chị T đến thăm con tại trường thì bị gia đình bên anh N và anh N không cho thăm nuôi. Chị T không yêu cầu xử lý hình sự về hành vi của anh N đánh con chung mỗi khi đi uống rượu về. Nay chị T cho rằng không còn tình cảm với chồng, chị không muốn hàn gắn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

+ Về con chung: Chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn N có 02 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/4/2014 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 25/6/2015. Hiện 02 con chung đang sống với anh N.

Từ khi chị T về nhà cha mẹ ruột sinh sống, buổi sáng chị T bán nước uống cho học sinh tại trường Đ và buổi chiều phụ bán căn tin tại trường Cao Đẳng C, thuộc phường H, thành phố C gần nhà cha mẹ ruột, thu nhập 4.000.000 đồng/tháng.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh P, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung tên P. Chị T đồng ý anh N

tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Minh T1, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung tên T1.

+ Tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Anh N và chị T kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trước khi anh N và chị T kết hôn, anh N có 02 người vợ và 02 người con riêng với 02 người vợ trước nhưng anh N đã ly hôn và các con đều sống với vợ trước của anh N, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 01 con riêng đúng như chị T trình bày. Trước khi kết hôn với anh N, chị T cũng có 01 người chồng, đã ly hôn và không có con riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như chị T trình bày và hai người sống ly thân từ tháng 8/2017. Nay, chị T yêu cầu ly hôn anh N đồng ý.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con đ1ung như chị T trình bày, hiện các con đang sống với anh N.

Anh N có nhiều anh chị em nhưng tất cả đã ở riêng, chỉ có anh N sống chung cha mẹ. Hằng ngày anh N làm công việc ruộng vườn, thu nhập thì cha mẹ anh N giữ nên chi tiêu kinh tế trong gia đình do cha mẹ anh N chi tiêu. Khi ly hôn, anh N yêu cầu tiếp tục nuôi 02 con chung Nguyễn Minh T1, Nguyễn Minh P, anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh N không đồng ý chị T yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Minh P, nhưng nếu chị T được nuôi con anh N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con

+ Tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 28/02/2018 của Tòa án thành phố C đã quyết định:

Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn N.

Con chung:

+ Công nhận sự thỏa thuận của chị T, anh N: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/4/2014 cho anh N trực tiếp nuôi, hiện cháu Thuận đang sống chung với anh N;

+ Chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao con tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 25/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi, hiện cháu P đang sống chung với anh N. Buộc anh N giao con tên Nguyễn Minh P, sinh ngày 25/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi.

Hai bên được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không bên nào được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000141 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình ly hôn.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/3/2018 bị đơn anh Nguyễn Văn N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho anh N được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh P.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bị đơn anh Nguyễn Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Minh P do cháu P đã sống chung với anh N từ khi mới sinh ra, điều kiện kinh tế của anh N đảm bảo để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P.

+ Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên chị đồng ý yêu cầu kháng cáo của anh N, chị đồng ý anh N tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Minh P.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa chị T, anh N về việc con chung Nguyễn Minh P do anh N tiếp tục nuôi dưỡng; anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, các đương sự không kháng cáo về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung, án phí dân sự sơ thẩm nên các nội dung này của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày

28/02/2018 của Tòa án thành phố C có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Xét anh Nguyễn Văn N kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh P, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh N có hai con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/4/2014 và Nguyễn Minh P, sinh ngày 25/6/2015. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N tiếp tục giao con chung Nguyễn Minh T1 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng là đúng quy định pháp luật và các đương sự không kháng cáo nên giữ nguyên bản án sơ thẩm phần này.

- Đối với cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 25/6/2015, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cháu P dưới 36 tháng tuổi và điều kiện kinh tế của chị T tốt hơn anh N nên giao cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là chưa xem xét toàn diện. Bởi lẽ:

+ Tại phiên tòa cấp phúc thẩm làm rõ điều kiện kinh tế của anh N tốt hơn chị T, cụ thể anh N đang sống chung, phụng dưỡng cha mẹ, gia đình anh N có diện tích đất canh tác hơn 13.000m^2 do cha anh là ông Nguyễn Văn T2 đứng tên quyền sử dụng đất. Ngoài ra, anh N còn thuê vườn xoài để sản xuất tạo thêm thu nhập và ổn định. Đối với chị T, buổi sáng phụ bán nước cho học sinh tại trường Đ, buổi chiều phụ bán căn tin tại trường Cao đẳng C là công việc không ổn định, dễ thay đổi.

+ Xem xét cuộc sống hiện nay của cháu P, trước khi tiến hành phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đề nghị anh N đưa cháu Nguyễn Minh P đến, qua tiếp xúc thì nhận thấy cháu P đang được chăm sóc tốt, được đi học nhà trẻ, ổn định về mặt tinh thần. Khi được hỏi thì cháu P có những bày tỏ tình cảm tốt, yêu thương gần gũi với anh N và ông bà nội rất tốt. Ngoài ra, việc hai anh em T1 và P sống chung một gia đình cũng là điều kiện tốt cho việc phát triển của hai cháu.

+ Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm, chị T cũng thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu P sống với cha được anh N thương yêu chăm sóc tốt, cuộc sống cháu ổn định về vật chất lẫn tinh thần, nếu tách cháu P ra sống riêng với mẹ và em trai là T1 thì cháu sẽ bị tổn thương về tinh thần, làm xáo trộn cuộc sống hiện tại nên chị đồng ý anh N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh P. Anh N nuôi con không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này giữa chị T và anh N là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp pháp luật nên Tòa chấp nhận.

[3] Xét vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị sửa 01 phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con của chị T, anh N là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Do sự thỏa thuận của chị T, anh N nên sửa bản án sơ thẩm, anh N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, Khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn N;

Sửa 01 phần bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C về nuôi con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Lệ T và anh Nguyễn Văn N: Các con chung Nguyễn Minh T1, sinh ngày 13/4/2014, Nguyễn Minh P, sinh ngày 25/6/2015 do anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng (hiện 02 cháu T1, P đang sống chung với anh N). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Lệ T được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

- Án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lệ T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000141 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (chị T đã nộp xong).

- Án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, anh N được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003252 ngày 14/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh